| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>TỈNH TÂY NINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 155 /2021/DS-PT
Ngày: 24 - 9 - 2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Văn Tâm.

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Quốc Vũ;

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021, về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 167/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp NH, xã BN, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Võ Hướng Dương, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 25, đường CMT8, Khu phố 3, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 27-10-2020); có mặt.

*2. Bị đơn*: Bà Tống Thị Mỹ L, sinh năm 1971 và ông Nguyễn Công D, sinh năm: 1970; cùng địa chỉ: Số nhà X, tổ 11, ấp NH, xã BN, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; bà L có mặt, ông D vắng mặt.

*3. Người kháng cáo:*

- Bà Ngô Thị H – là nguyênđơn

- Bà Tống Thị Mỹ L – là bị đơn;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-10-2020, lời khai của bà Ngô Thị H (nguyên đơn) và quá trình giải quyết vụ án (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Võ Hướng Dương ) trình bày:*

Vào ngày 15-12-2019, Bà H có cho bà L vay số tiền 180.000.000 đồng mục đích để về chăn nuôi vịt và cho người khác vay lại, hai bên có làm giấy mượn tiền, chữ viết trên giấy mượn tiền do bà H viết và đưa bà L ký tên, ông Nguyễn Công D (chồng bà L) không ký tên trong giấy nợ vì thường xuyên đi chăn vịt không có mặt ở nhà, tiền lãi hai bên thỏa thuận bằng lời nói 1%/ tháng, hai bên thỏa thuận đến ngày 15-02-2020 (Dl) bà L có trách nhiệm trả nợ, do ông D không có mặt ở nhà nên bà L có đưa cho bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Công D (bản photo) để làm tin, tới ngày trả nợ bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và đóng lãi, bà H đã gặp bà L đòi nợ nhiều lần nhưng bà L không trả.

Nay bà yêu cầu bà L và ông D cùng có trách nhiệm trả số tiền gốc 180.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng, tính lãi từ ngày 15-12-2019 đến ngày Tòa án xét xử xong vụ kiện.

Ngoài ra vào khoảng tháng 5-2019 bà L còn mượn thêm số tiền 40.000.000 đồng, không làm giấy nợ, không thỏa thuận lãi suất, giao tiền tại nhà bà H không có mặt ông D, thỏa thuận với nhau mỗi ngày trả góp 400.000 đồng cho đến khi xong nợ, bà L góp được 31 ngày là 12.600.000 đồng thì ngưng, hiện bà L còn nợ lại 27.400.000 đồng. Yêu cầu bà L và ông D trả lại số tiền gốc 27.400.000 đồng, không yêu cầu tinh lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện cho nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 27.400.000 đồng. Đối với số tiền gốc 180.000.000 đồng chỉ yêu cầu tính lãi 1%/tháng, từ ngày 15-12-2019 đến ngày 15-5-2021 là 17 tháng = 30.600.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi yêu cầu là 210.600.000 đồng.

***Bị đơn bà Tống Thị Mỹ L trình bày:*** Bà thừa nhận trong năm 2019 có vay tiền của bà H làm nhiều lần tổng cộng là 90.000.000 đồng, bà vay tiền để cho người khác vay lại, khi vay tiền bà H có viết trong cuốn sổ đưa cho bà giữ, tiền lãi hai bên thỏa thuận lãi ngày khoảng 03 ngày đóng 01 lần, cứ 30.000.000 đồng đóng 1.500.000 đồng nhưng bà không có chứng cứ để chứng minh cho việc đóng lãi. Ngày 15-12-2019, giữa bà và bà H có chốt nợ với nhau bằng giấy mượn tiền, giấy này do bà H viết và đưa cho bà ký tên, số tiền 180.000.000 đồng bao gồm gốc 90.000.000 đồng, lãi 90.000.000 đồng bà cũng đồng ý với số tiền này, hai bên thỏa thuận mỗi ngày bà góp 400.000 đồng cho đến khi xong nợ, đã góp được

15.000.000 đồng và đưa thêm nhiều lần được 18.000.000 đồng, tổng cộng đã đưa cho bà H 33.000.000 đồng không làm giấy trả nợ. Các lần bà vay tiền và nhận tiền tại nhà của bà H không có mặt ông D, việc bà vay tiền của bà H chỉ có hai người biết, ông D không biết.

Nay bà chỉ đồng ý trả lại số tiền 180.000.000 đồng, không trả lãi và nhận một mình có trách nhiệm trả nợ cho bà H vì đây là nợ riêng của cá nhân bà. Không chấp nhận buộc ông D liên đới trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà L chỉ đồng ý trả lại cho bà H số tiền gốc đã vay là 90.000.000 đồng, không đồng ý đưa ông D cùng liên đới trả nợ.

*Tại Bản tự khai ngày 24-9-2021, ông Nguyễn Công D (đồng bị đơn) trình bày*:

Ông là chồng bà Tống Thị Mỹ L. Ông thường xuyên đi làm xa, không biết gì về việc bà H cho bà L (vợ ông) vay tiền, ông không thừa nhận nợ tiền bà H, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 20-5-2021 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu đã quyết định;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

**1.** Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Công D có trách nhiệm liên đới cùng bà Tống Thị Mỹ L trả nợ.

- Buộc bà Tống Thị Mỹ L có trách nhiệm trả lại cho bà Ngô Thị H số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng và tiền lãi 25.500.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 205.500.000 (hai trăm lẻ năm triệu năm trăm ngàn) đồng.

2. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H đối với bà Tống Thị Mỹ L và ông Nguyễn Công D về số tiền 27.400.000 (hai mươi bảy triệu bốn trăm ngàn) đồng.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 28-5-2021, bà H (nguyên đơn) kháng cáo yêu cầu buộc vợ chồng bà L, ông D có nghĩa vụ trả nợ cho bà. Lý do cho rằng ông D biết việc bà L vay tiền của bà để vợ chồng làm vốn nuôi vịt và cho người khác vay lại. Yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

- Ngày 02-6-2021, bà L (bị đơn) kháng cáo cho rằng chỉ nợ bà H tiền gốc 90.000.000 đồng, hai bên chốt nợ 80.000.000 đồng, bà đã trả được 33.000.000 đồng, chỉ còn nợ 57.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bà L, ông D phải trả cho bà H số tiền gốc 180.000.000 đồng yêu cầu tính lãi từ ngày 15-12-2019 đến ngày 15-5-2021 là 30.600.000 đồng). Tổng cộng gốc và lãi yêu cầu là: 210.600.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm, không xuất thêm chứng cứ gì khác.

Bị đơn bà L trình bày: Bà chỉ nợ bà H tiền gốc 90.000.000 đồng, đã trả được 33.000.000 đồng, chỉ còn nợ 57.000.000 đồng và đây là nợ riêng của bà, bà không yêu cầu ông D (chồng bà) liên đới cùng bà trả nợ. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm, không xuất thêm chứng cứ gì khác.

*Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh*:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của bà H, bà L, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Các đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Nguyễn Công D đồng bị đơn trình bày trong bản tự khai là không tham gia phiên tòa phúc thẩm mà ủy quyền cho chị con gái là Nguyễn Thị Trúc Giang. Xét thấy việc ủy quyền của ông D không đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận việc ủy quyền. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt ông D.

[3] Về nội dung: Bà H yêu cầu bà L và ông D có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền 180.000.000 đồng, tính lãi 1%/ tháng từ ngày 15-12-2019 đến ngày 15-5-2021 x 17 tháng = 30.600.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi 210.600.000 đồng. Bà L chỉ thừa nhận nợ bà H 90.000.000 đồng đã trả cho bà H 33.000.000 đồng, chỉ còn

nợ 57.000.000 đồng, mục đích vay là để cho người khác vay lại hưởng chênh lệch, bà xác nhận là nợ riêng của bà và nhận trách nhiệm một mình trả nợ cho bà H.

[3] Xét kháng cáo của các đương sự thấy rằng:

[3.1] Đối với bà L: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H có xuất trình 01 giấy mượn tiền nội dung: "Bà Tống Thị Mỹ L có mượn bà Ngô Thị H số tiền 180.000.000 đồng, thỏa thuận trả vào ngày 15-02-2020" có chữ ký của bà L. Văn bản này được bà L thừa nhận. Tuy nhiên, bà cho rằng trong số 180.000.000 đồng thì tiền gốc vay chỉ có 90.000.000 đồng còn lại 90.000.000 đồng là tiền lãi do bà H cộng dồn, bà đã trả vốn cho bà H được 33.000.000 đồng nhưng bà L không đề xuất được chứng cứ tiền gốc vay cũng như số tiền trả nợ nên cấp sơ thẩm xác định bà L vay của bà H số tiền 180.000.000 đồng là có căn cứ. Bà L kháng cáo nhưng không đề xuất được chứng cứ mới nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với bà H: Bà cho rằng số tiền bà L vay của bà dùng vào nhu cầu chung của gia đình bà L, ông D nhưng bà H không có chứng cứ chứng minh. Bởi lẽ: Việc cho vay số tiền lớn thì phải có sự đồng ý của vợ chồng, giấy nợ cũng không thể hiện mục đích vay, ông D không có ủy quyền cho bà L thay mặt ông ký kết hợp đồng vay tiền của bà H, ông D không thừa nhận vay tiền của bà H cũng không sử dụng tiền bà L đã vay vào nhu cầu thiết yếu của gia đình. Cấp sơ thẩm không buộc ông D trả nợ cho bà H là có cơ sở. Do đó kháng cáo của bà H yêu cầu ông D liên đới trả nợ là không có căn cứ.

[3.3] Về lãi suất: Trong giấy mượn tiền hai bên không thỏa thuận trả lãi, bà L cho rằng mức lãi bà H khai không đúng, hai bên không thống nhất mức lãi suất là bao nhiêu. Nay bà H yêu cầu tính lãi 1%/ tháng (12%/ năm), từ ngày 15-12-2019 đến ngày 15-5-2021 (17 tháng) số tiền là 30.600.000 đồng. Cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự xác định mức lãi tranh chấp bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/ năm, cụ thể tiền gốc 180.000.000 đồng x 10%/năm x 17 tháng = 25.500.000 đồng là có căn cứ. Tổng cộng gốc và lãi bà L phải trả cho bà H số tiền 205.500.000 (hai trăm lẻ năm triệu năm trăm ngàn) đồng. Tuy nhiên, bản án không tuyên số tiền lãi bà H không được Tòa án chấp nhận là 5.100.000 đồng để làm cơ sở tính án phí là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm, cấp phúc thẩm bổ sung vào phần quyết định bản án sơ thẩm cho phù hợp quy định của pháp luật.

[3.4] Ngoài ra, trong vụ án này nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 27.400.000 đồng. Cấp sơ thẩm đã đình chỉ phần này nhưng không tuyên quyền được khởi kiện lại theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm cấp phúc thẩm bổ sung vào phần quyết định bản án sơ thẩm cho phù hợp quy định của pháp luật.

[3.5] Trong quá trình giải quyết vụ án bà H trình bày: Bà L có giao cho bà một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Công D (bản pho

to). Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Dương (đại diện bà H) xác nhận giấy đất này chỉ để làm tin, không phải biện pháp bảo đảm tiền vay, nên Tòa không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14.

[4.1] Bà Ngô Thị H phải chịu án phí đối với số tiền không được Tòa án chấp nhận là 5.100.000 đồng, phải chịu án phí là 300.000 đồng.

[4.2] Bà L phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 205.500.000 đồng x 5% = 10.275.000 đồng.

Từ những tình tiết chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị H, bị đơn bà Tống Thị Mỹ L. Sửa một phần án sơ thẩm về án phí.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H, bà L mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên bản án sơ thẩm phần nội dung là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị H, bị đơn bà Tống Thị Mỹ L.

Sửa một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số 23/2021/DSST ngày 20-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" của bà Ngô Thị H đối với ông Nguyễn Công D.

**2.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Ngô Thị H đối với bà Tống Thị Mỹ L.

2.1. Buộc bà Tống Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị H số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng và tiền lãi 25.500.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi số tiền là 205.500.000 (hai trăm lẻ năm triệu năm trăm ngàn) đồng.

*Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015*.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị H đòi bà Tống Thị Mỹ L trả thêm tiền lãi 5.100.000 (năm triệu một trăm nghìn) đồng.

**3.** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H đối với bà Tống Thị Mỹ L và ông Nguyễn Công D về số tiền 27.400.000 (hai mươi bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Bà Ngô Thị H được quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**4.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Ngô Thị H phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 5.185.000 đồng theo Biên lai thu số 0005181 ngày 21-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; hoàn trả cho bà H số tiền 4.885.000 (bốn triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn) đồng

4.2. Bà Tống Thị Mỹ L phải chịu số tiền 10.275.000 (mười triệu hai trăm bảy mười lăm ngàn) đồng.

**5.** Về án phí phúc thẩm dân sự:

5.1. Bà Ngô Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo Biên lai thu tiền số 0005827 ngày 02 – 6 – 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (bà H đã nộp xong).

5.2. Bà Tống Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo Biên lai thu tiền số 0005829 ngày 03 – 6 – 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu (bà L đã nộp xong).

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**6.** Bản án phúc thẩm có hiệu pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện DMC;
- CCTHADS huyện DMC;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phạm Văn Tâm**